

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/LĐ-ST

Ngày: 01- 03 -2023

V/v: “Tranh chấp truy đóng tiền bảo
hiểm xã hội, đòi bồi thường tiền bảo
hiểm thất nghiệp, trả sổ bảo hiểm xã
hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân;

Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 17/2022/TLST-LĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp truy đóng bảo hiểm xã hội, đòi bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp, trả sổ bảo hiểm xã hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-LĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Anh T , sinh năm 1984; nơi thường trú: Khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương, người đại diện hợp pháp ông Trương Dương D, sinh năm 1959; nơi thường trú: 440/26/19A Nguyễn Kiệm, phường A, quận N, thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/8/2022) - ông Dũng có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án (xin về do sức khỏe không tốt).

Bị đơn: Công ty TNHH Quốc tế nhựa B (gọi tắt Công ty); địa chỉ: Lô D2, khu công nghiệp Việt Hương, phường G, thành phố A, tỉnh Bình Dương; người đại diện hợp pháp bà Đinh Thị Ng , sinh năm 1983; nơi thường trú: Khối S, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/11/2022) - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2022, các lời khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Vũ Anh T - ông Trương Dương D trình bày: Ông Tiến

vào làm việc tại Công ty TNHH Quốc tế nhựa B khoảng tháng 7/2018.

Ngày 01/9/2018 đến 30/8/2019 ông Tiến và Công ty ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn với mức lương 4.258.600 đồng, phụ cấp chức vụ 500.000đ; giữ trẻ 800.000 đồng; điện thoại 500.000 đồng; thưởng 1= 300.000 đồng; thưởng 2= 1.021.000 đồng; nhà ở = 500.000 đồng, độc hại 212.930 đồng; chuyên cần = 200.000 đồng (nếu làm đủ tháng), công việc phải làm: Bảo trì.

Từ ngày 01/9/2019 đến 30/8/2020 Công ty ký tiếp hợp đồng lao động thời hạn 01 năm với mức lương 4.472.600 đồng. Phụ cấp gồm: Thưởng 1 = 300.000 đồng; thưởng 2 = 1.721.000 đồng; chuyên cần =200.000 (nếu làm đủ tháng); độc hại = 223,630 đồng; giữ trẻ = 800.000 đồng; nhà ở: 500.000 đồng; chức vụ: 500.000 đồng; điện thoại 800.000 đồng; công việc phải làm: Bảo trì.

Từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2022 hai bên không ký kết hợp đồng và ông Tiến tiếp tục làm việc đến 15/3/2022 thì nghỉ việc.

Khoảng tháng 02/2022 ông T có đơn xin nghỉ việc, ngày 15/02/2022 công ty ban hành quyết định nghỉ việc số 034/03-2022 ngày 15/3/2022 cho ông T. Khi ban hành quyết định nghỉ việc thì Công ty không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông T theo quy định. Đến ngày 15/8/2022 Công ty mới trả sổ bảo hiểm xã hội nhưng theo nội dung mà cơ quan bảo hiểm xã hội đã chốt thì Công ty chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho ông Tiến 16 tháng, thực tế ông T đã làm việc tổng cộng 42 tháng. Mặt khác số tiền công ty đóng bảo hiểm xã hội cho ông T bị thiếu vì thực tế mức lương 06 tháng liền kề trước khi nghỉ việc là 4.729.400 đồng cộng tổng các khoản phụ cấp là 10.000.000 đồng nhưng Công ty chỉ đóng mức tổng cộng 5.465.870 đồng.

Do đó nay ông T khởi kiện yêu cầu Công ty gồm:

- Truy đóng bảo hiểm xã hội với mức lương 10.000.000 đồng/tháng, thời gian từ 01/9/2018 đến tháng 02/2022 là 42 tháng: $((10.000.000đ - 4.472.600đ) \times 21,5\% \times 42)) : 100\% = 49.912.380$ đồng.

- Bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp do Công ty chậm chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 60\% \times 4 \text{ tháng}) : 100\% = 24.000.000$ đồng.

- Buộc Công ty chốt sổ và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Vũ Anh T với thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 42 tháng.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Quốc tế nhựa B bà Đinh Thị Ng trình bày:

Thông nhất trình bày của nguyên đơn về thời gian làm việc, nghỉ việc, công việc phải làm, về mức lương 06 tháng liền kề trước khi nguyên đơn nghỉ việc.

Thông nhất việc bị đơn có ký kết hợp đồng lao động số 002-09/HĐLĐ/2018 và hợp đồng lao động số 002-09/HĐLĐ/2019; thống nhất nội dung tại hai hợp đồng lao động trên.

Bà Nga trình bày thêm từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2019 công ty nâng mức lương từ 4.258.600 đồng lên mức lương 4.472.600 đồng cho ông Tiến.

Từ tháng 01/2020 đến khi nghỉ việc Công ty nâng mức lương từ 4.472.600 đồng lên mức lương 4.729.400 đồng cho ông Tiến.

Từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2022 hai bên không ký kết hợp đồng và ông Tiến tiếp tục làm việc đến ngày 15/3/2022 thì nghỉ việc, thời gian trên hai bên vẫn thỏa

thuận mức lương là 4.729.400 đồng và các khoản phụ cấp như tại hợp đồng lao động số 002-09/HĐLĐ/2019 ngày 01/9/2019.

Công ty cho rằng tiền lương tham gia bảo hiểm xã hội của ông T công ty đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu chốt sổ bảo hiểm xã hội chậm thì thực tế công ty có liên hệ kịp thời bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông T nhưng do tờ rời bảo hiểm xã hội của ông T bị sai lũy kế nên phải làm hồ sơ lại, thời gian trên công ty có sự thay đổi nhân sự nên đã không kịp tiến độ hoàn tất thủ tục trên cho ông T nhưng hiện nay ông T đã có việc làm, không bị thất nghiệp, việc ông T chưa lãnh bảo hiểm thất nghiệp thì vẫn được cộng dồn, không bị thiệt hại gì nên Công ty không đồng ý.

Đối với sổ bảo hiểm xã hội thì hiện nay Công ty đã chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả lại cho ông T vào ngày 16/8/2022, ông T đã ký nhận nên Công ty không đồng ý yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung:

Đối với yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội: Căn cứ Điều 4 Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động và Căn cứ Điều 30 Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp: Căn cứ Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội; khoản 1 Điều 45, khoản 2 Điều 50 Luật việc làm năm 2013 và Khoản 7 Điều 18 Nghị định 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ. Điều 23 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Khoản 2 Điều 18 Nghị định 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu trả sổ bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội: Công ty đã thực hiện đầy đủ và nguyên đơn đã nhận lại sổ bảo hiểm xã hội nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Ông Vũ Anh T khởi kiện Công ty TNHH Quốc tế nhựa Byêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội, đòi bồi thường trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp, trả sổ bảo hiểm xã hội trong quan hệ lao động. Tòa án thụ lý giải quyết theo điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết bị đơn Công ty TNHH Quốc tế nhựa B có địa chỉ trụ sở chính tại Lô D2, khu công nghiệp Việt Hương, phường G, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố A.

[3] Ngày 30 tháng 12 năm 2022 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Vũ Anh T - ông Trương Dương D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đưa Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy Bảo hiểm xã hội thành phố A, tỉnh Bình Dương không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đối với vụ án trên nên Tòa án không đưa Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Xét thời gian làm việc, nghỉ việc, mức lương 06 tháng trước khi nghỉ việc của nguyên đơn là 4.729.400 đồng, các khoản phụ cấp tại hợp đồng lao động số 002-09/HĐLĐ/2018 và hợp đồng lao động số 002-09/HĐLĐ/2019 các bên đều thống nhất, lời thừa nhận của các đương sự là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[5] Về nội dung tranh chấp:

[5.1] Về yêu cầu truy đóng tiền bảo hiểm xã hội trên số tiền thực lãnh là 10.000.000 đồng bao gồm tiền lương và tất cả các khoản phụ cấp theo hợp đồng lao động số 002-09/HĐLĐ/2018 và hợp đồng lao động số 002-09/HĐLĐ/2019.

Xét thấy:

Ngày 01/9/2018 đến 30/8/2019 ông T và Công ty ký kết hợp đồng lao động số 002-09/HĐLĐ/2018 xác định thời hạn với mức lương 4.258.600 đồng, phụ cấp chức vụ 500.000đ; giữ trẻ 800.000 đồng; điện thoại 500.000 đồng; thưởng 1= 300.000 đồng; thưởng 2= 1.021.000 đồng; nhà ở = 500.000 đồng, độc hại 212.930 đồng; chuyên cần = 200.000 đồng (nếu làm đủ tháng), công việc phải làm: Bảo trì.

Từ ngày 01/9/2019 đến 30/8/2020 Công ty ký tiếp hợp đồng lao động số 002-09/HĐLĐ/2019 thời hạn 01 năm với mức lương 4.472.600 đồng. Phụ cấp gồm: Thưởng 1 = 300.000 đồng; thưởng 2 = 1.721.000 đồng; chuyên cần = 200.000 (nếu làm đủ tháng); độc hại = 223,630 đồng; giữ trẻ = 800.000 đồng; nhà ở: 500.000 đồng; chức vụ: 500.000 đồng; điện thoại 800.000 đồng. công việc phải làm: Bảo trì.

Từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2022 hai bên không ký kết hợp đồng và ông Tiến tiếp tục làm việc đến 15/3/2022 thì nghỉ việc, thời gian trên hai bên vẫn thỏa thuận mức lương và phụ cấp như hợp đồng lao động số 002-09/HĐLĐ/2019.

Theo Điều 4 Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động và Căn cứ Điều 30 Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đã quy định rõ: Mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm mức lương chính, phụ cấp chức vụ và phụ cấp độc hại.

Đối chiếu công văn số 472/CV- BHXH ngày 13/12/2022 của Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin cho Tòa án, thì được biết bị đơn đã thực hiện việc trích nộp bảo hiểm xã hội các khoản bắt buộc đúng quy định

pháp luật, do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải truy đóng bảo hiểm xã hội hết các khoản phụ cấp ghi trong hợp đồng gồm: Tiền thưởng 1 = 300.000 đồng; thưởng 2 = 1.721.000 đồng; chuyên cần = 200.000 (nếu làm đủ tháng); giữ trẻ = 800.000 đồng; nhà ở: 500.000 đồng; điện thoại 800.000 đồng là không phù hợp. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

[5.2] Đối với yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp do Công ty chậm chót và trả sổ bảo hiểm xã hội.

Xét thấy ngày 15/3/2022 Công ty ban hành quyết định nghỉ việc số 034/03-2022 ngày 15/3/2022 cho ông T nhưng đến ngày 16/8/2022 Công ty mới chót sổ và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông T là vi phạm quy định tại Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 48 Bộ luật Lao động tuy nhiên việc chậm chót sổ và trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn chưa gây ra bất kỳ hậu quả gì cho nguyên đơn, bởi theo khoản 1 Điều 45, khoản 2 Điều 50, khoản 1 Điều 59 Luật việc làm năm 2015 và khoản 7 Điều 18 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm và bảo hiểm thất nghiệp thì thời gian hưởng bảo hiểm thất nghiệp là khoảng thời gian đã đóng bảo hiểm thất nghiệp liên tục hoặc không liên tục được cộng dồn từ khi bắt đầu đóng bảo hiểm thất nghiệp cho đến khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật mà chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp. Như vậy, khoảng thời gian ông Tiến và công ty đã đóng bảo hiểm thất nghiệp cho ông Tiến nhưng ông chưa được hưởng thì được bảo lưu để cộng dồn vào lần tiếp theo khi ông T thực hiện thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra tại công văn số 472/CV- BHXH ngày 13/12/2022 của Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin cho Tòa án xác định hiện nay ông Tiến đang tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An do Công ty TNHH Minh Long I đóng. Do đó, việc ông T khởi kiện yêu cầu công ty bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp là chưa có căn cứ.

[5.3] Đối với yêu cầu buộc chót sổ và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Vũ Anh T với thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 42 tháng.

Thực tế ông T làm việc tại Công ty là 42 tháng nhưng do từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021 tình hình dịch bệnh Covid19 dẫn đến Công ty phải tạm hoãn thực hiện hoạt động lao động nghỉ việc không hưởng lương cho cán bộ, công nhân trong đó có ông T nên công ty đã không tham gia bảo hiểm xã hội cho ông T nên thực tế Công ty chỉ tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho ông Tiến 39 tháng, Công ty đã đóng đầy đủ. Hiện nay Công ty đã chót sổ bảo hiểm xã hội cho ông T và ông T đã ký nhận lại sổ bảo hiểm xã hội vào ngày 16/8/2022. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Vũ Anh T được miễn án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 45, 46, 50, 59 Luật Việc làm,
- Khoản 3 Điều 34, Điều 48, Điều 168 Bộ luật Lao động;
- Các Điều 18, 19, 21, 85, 86, 88, Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
- Điều 5, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Anh T đối với bị đơn Công ty TNHH Quốc tế nhựa B về việc tranh chấp truy đóng tiền bảo hiểm xã hội, bồi thường tiền trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp và trả sổ bảo hiểm xã hội.

2/ Về án phí: Ông Vũ Anh T được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ

